

Bản án số: 218 /2017/DS-PT
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp tài sản bị cưỡng
chế để thi hành án

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh
Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 07 năm 2017 về tranh chấp tài sản bị cưỡng chế để thi hành án.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2017 DS-ST ngày 25 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Tổ 23, ấp B, xã B1, huyện C, Đồng Tháp;

- Bị đơn:

1. Ông Dương Hữu S, sinh năm 1971;

2. Bà Trương Thị Huyền T1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp B2, xã B1, huyện C, Đồng Tháp;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Ngọc Đ, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Tổ 23, ấp B, xã B1, huyện C, Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật của ông Trương Văn T và bà Phan Ngọc Đ là ông Vũ A sinh năm 1970; Địa chỉ: Đường C3, phường 3, thành phố C, Đồng Tháp; (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2016).

2. Bà Nguyễn Thị Bé B3, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã M, huyện C, Đồng Tháp;

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B3 là ông Vũ Xuân Cát - Luật sư của Công ty luật TNHH MTV L thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

- *Nhân chứng:*

1. Ông Tạ Văn V, sinh năm 1955;

2. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn là ông Trương Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Ngọc Đ cùng ủy quyền cho ông Vũ A trình bày:*

Ngày 03/9/2015, ông T và bà Đ có nhận được Quyết định số 24/QĐ-CCCTHA, ngày 31/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C về việc cưỡng chế kê biên tài sản, trong quyết định kê biên là 04 bè dùng để nuôi cá.

Tuy nhiên, tài sản kê biên (04 bè cá) để thi hành án không phải là tài sản của ông Dương Hữu S và bà Trương Thị Huyền T1 mà là tài sản của ông T và bà Đ. Bốn bè nuôi cá này ông T và bà Đ mua lại của ông Đỗ Văn T1 02 bè vào năm 2006, của bà Trương Kim O 01 bè cũng vào năm 2006, mua của ông Lương Văn Á 01 bè vào năm 2013.

Nuôi cá được vài năm khoảng năm 2008 do lớn tuổi nên ông T có cho ông S và bà T1 thuê lại 04 bè nuôi cá để nuôi, do nuôi cá thua lỗ nên đầu năm 2014 ông T đã lấy lại 04 bè cá này để tiếp tục nuôi cá. Việc Chi cục Thi hành án kê biên 04 bè cá này gây thiệt hại về tài sản cho ông T và bà Đ nên ông T không đồng ý.

Ông T yêu cầu công nhận cho ông được quyền sở hữu tài sản là 04 bè dùng để nuôi cá. Yêu cầu ông S và bà T1 trả lại cho ông 04 bè cá.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông T, bà Đ đã rút lại đối với yêu cầu ông S và bà T1 trả lại 04 bè dùng để nuôi cá vì hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng.

- *Bị đơn là ông Dương Hữu S và bà Trương Thị Huyền T1 trình bày:*

Thời gian trước đây, ông S và bà T1 có kinh doanh nuôi cá điêu hồng tại ấp B2, xã B1, huyện C. Ông S, bà T1 đã thuê lại các bè cá của ông T và bà Đ (là cha mẹ ruột của bà T1), việc trả tiền thuê được thực hiện vào cuối mỗi đợt thu hoạch. Lúc đầu, ông S và bà T1 thuê 03 bè cá, khi thấy việc làm ăn thuận lợi nên đến

năm 2013, ông T tiếp tục mua thêm 01 bể cá để cho ông S và bà T1 thuê. Đến cuối năm 2013, việc nuôi cá gặp khó khăn dẫn đến thua lỗ mất khả năng chi trả nợ nên ông S và bà T1 không tiếp tục nuôi cá và trả lại 04 bể này cho ông T và bà Đ từ tháng 02/2014. Hiện nay, ông S và bà T1 làm công cho ông T chứ không còn nuôi cá.

Ông S và bà T1 thừa nhận còn nợ bà B3 số tiền là 370.530.000 đồng. Việc bà B3 cho rằng 04 bể cá này là tài sản của ông S, bà T1 mua lại của ông T và bà Đ để yêu cầu thi hành án là không phù hợp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B3 trình bày:

Bốn bể cá này là tài sản của ông S và bà T1 tạo lập từ năm 2006. Ông S và bà T1 liên tục quản lý và sở hữu cho đến nay. Bốn bể cá này là tài sản để thi hành án cho bà B3. Việc ông T yêu cầu công nhận quyền sở hữu 04 bể cá này là hoàn toàn không có cơ sở.

Tài sản này đã được Chi cục Thi hành án xác minh đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật để thi hành cho bà B3. Việc ông T khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sở hữu đối với 04 bể cá này là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Bà B3 không đồng ý với yêu cầu của ông T, các tài sản trên không phải là tài sản của ông T.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Đình chỉ yêu cầu của ông Trương Văn T về việc yêu cầu vợ chồng ông S và bà T1 trả lại 04 bể dùng để nuôi cá;

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn T. Công nhận cho ông Trương Văn T quyền sở hữu 04 bể cá (Có đặc điểm như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2015 do Tòa án nhân dân huyện C xác lập).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 26/5/2017, bà Nguyễn Thị B3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm:

+ Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện vì không có căn cứ.

+ Không chấp nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn vì các bể nuôi cá tranh chấp không phải là tài sản của vợ chồng ông Trương Văn T.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giao 04 bể nuôi cá đang tranh chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B3 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B3:

Đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện vì không có căn cứ.

Không chấp nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn vì các bè nuôi cá tranh chấp không phải là tài sản của vợ chồng ông Trương Văn T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giao 04 bè nuôi cá đang tranh chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người liên quan. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu đối với 04 bè dùng để nuôi cá, nhưng hiện nay 04 bè nuôi cá này đang bị Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C kê biên để thi hành nghĩa vụ của bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp tài sản bị cưỡng chế để thi hành án là phù hợp với quy định tại khoản 12 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bị đơn là Dương Hữu S và Trương Thị Huyền T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị B3 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Văn T về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu đối với 04 cái bè dùng để nuôi cá và ông T đã chứng minh về nguồn gốc của 04 cái bè dùng để nuôi cá là do ông T mua lại của ông Đỗ Văn T1, bà Trương Kim O và ông Lương Văn Á (việc này được ông T1, bà O, ông Á thừa nhận tại biên bản phiên tòa của cấp sơ thẩm). Đồng thời, ông T còn cung cấp những người làm chứng về việc ông T đã có mua cá giống, mua thức ăn nuôi cá và ông T là người trực tiếp thanh toán tiền. Bên cạnh đó, ông S, bà T1 cũng thừa nhận và xác định 04 bè dùng để nuôi cá là của ông T; ông S, bà T1 chỉ là người

thuê bè để nuôi cá do làm ăn thua lỗ nên hiện nay ông S và bà T1 đã trả lại 04 cái bè dùng để nuôi cá cho ông T, bà Đ.

- Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà B3 thì bà xác định 04 bè nuôi cá này là của ông S, bà T1 và chứng minh cho yêu cầu của mình là lời trình bày của những người làm chứng có bè nuôi cá gần nơi ông S, bà T1 nuôi cá; những người làm chứng mà bà B3 cung cấp đều khẳng định do thấy ông S, bà T1 là người trực tiếp nuôi cá nên xác định 04 bè dùng để nuôi cá này của ông S, bà T1 chứ người làm chứng cũng không biết được nguồn gốc của 04 bè cá mà ông S, bà T1 ở đâu mà có.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Từ những phân tích trên cho thấy việc bà B3 kháng cáo và ý kiến trình bày của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B3 là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà B3 không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà B3 phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 12 Điều 26, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 500 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B3;

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C:

Đình chỉ yêu cầu của ông Trương Văn T về việc yêu cầu vợ chồng ông Dương Hữu S và bà Trương Thị Huyền T1 trả lại 04 cái bè dùng để nuôi cá;

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn T. Công nhận cho ông Trương Văn T được quyền sở hữu 04 cái bè dùng để nuôi cá. *(Có đặc điểm như trên biên bản xem xét thẩm định và định giá ngày 24/12/2015).*

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Dương Hữu S, bà Trương Thị Huyền T1 phải nộp 200.000đ tiền án phí sơ thẩm;

+ Hoàn trả cho ông Trương Văn T số tiền 1.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04806 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B3 phải nộp 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 13235 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H C;
- Chi cục THADS H C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh